

Số:08/2021/QĐ-UBND

Vĩnh Long, ngày 06 tháng 4 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định về khoản kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung
khi đi công tác tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp
nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Vĩnh Long**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11/01/2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;

Căn cứ Thông tư số 24/2019/TT-BTC ngày 22/4/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11/01/2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;

Theo đề nghị của Sở Giao thông Vận tải.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quyết định này quy định về khoản kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung khi đi công tác (bao gồm cả đi họp) tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Vĩnh Long.

b) Những nội dung liên quan đến khoản kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung không quy định tại Quyết định này được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô; Thông tư số 24/2019/TT-BTC ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng

a) Chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô theo quy định tại Khoản 1, Điều 8 Nghị định số 04/2019/NĐ-CP, khuyến khích thực hiện khoản kinh phí sử

dụng xe ô tô phục vụ công tác chung, gồm: các chức danh lãnh đạo có hệ số phụ cấp chức vụ lãnh đạo từ 0,7 đến dưới 1,25 thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị; Giám đốc, Phó giám đốc và các chức danh tương đương tại doanh nghiệp nhà nước.

b) Chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô thuộc các cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại Khoản 3 Điều 12 và Khoản 3 Điều 13 Nghị định số 04/2019/NĐ-CP, bắt buộc thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung, gồm: các chức danh lãnh đạo có hệ số phụ cấp lãnh đạo từ 0,7 đến dưới 1,25 của đơn vị thuộc, trực thuộc Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng HĐND tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh, Sở, ban, ngành và tổ chức tương đương của cấp tỉnh.

c) Chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung có hệ số phụ cấp chức vụ lãnh đạo từ 0,7 đến dưới 1,25 của đơn vị thuộc cấp huyện (ngoài Văn phòng cấp ủy và chính quyền cấp huyện) không được trang bị xe ô tô phục vụ công tác chung;

d) Trường hợp cần thiết do yêu cầu công tác cần bố trí xe ô tô cho các đối tượng không thuộc quy định tại các điểm a, điểm b khoản này đi công tác thì Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước xem xét, quyết định.

Điều 2. Nguyên tắc khoán, hình thức khoán, đơn giá khoán xe ô tô phục vụ công tác chung khi đi công tác

1. Nguyên tắc khoán

Việc khoán kinh phí sử dụng xe ô tô khi đi công tác phải đảm bảo đúng đối tượng, không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện các nhiệm vụ được giao, không phát sinh tăng chi phí hành chính hàng năm.

Nguồn kinh phí khoán được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước (từ kinh phí tự chủ, kinh phí thường xuyên), nguồn kinh phí được phép sử dụng của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước.

Ngân sách nhà nước không bố trí tăng kinh phí cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị để áp dụng khoán kinh phí sử dụng xe ô tô so với trước khi thực hiện khoán sử dụng xe ô tô.

Kinh phí khoán được thanh toán cho người nhận khoán cùng với việc chi trả tiền lương hàng tháng (nếu áp dụng hình thức khoán gọn) hoặc thanh toán cho người nhận khoán cùng với việc thanh toán công tác phí (đối với khoán theo km thực tế).

Trường hợp tất cả các chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô tại cơ quan, tổ chức, đơn vị áp dụng khoán kinh phí sử dụng xe ô tô khi đi công tác thì không thực hiện trang bị xe ô tô; trường hợp đã trang bị xe ô tô thì phải sắp xếp lại, xử lý số xe ô tô hiện có theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11/01/2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô.

2. Hình thức khoán

a) Khoán theo km thực tế

Mức khoán kinh phí sử dụng xe ô tô được xác định trên cơ sở số km thực tế của từng lần đi công tác và đơn giá khoán như sau:

$$\text{Mức khoán (đồng/tháng)} = \frac{\text{Tổng số km thực tế của từng lần đi công tác (km)}}{\text{Số lần đi công tác}} \times \text{Đơn giá khoán (đồng/km)}$$

Trong đó: Tổng số km thực tế của từng lần đi công tác được xác định trên cơ sở khoảng cách thực tế của lộ trình di chuyển ngắn nhất từ cơ quan đến các địa điểm công tác (mà xe ô tô kinh doanh vận tải được phép lưu thông) các đợt công tác của từng chức danh nhận khoán.

b) Khoán gọn

Phương thức khoán gọn được áp dụng đối với tất cả các chức danh hoặc áp dụng đối với từng chức danh và áp dụng trong trường hợp đi công tác thường xuyên trong tháng (tổng số ngày đi công tác chiếm trên 50% tổng số ngày làm việc trong tháng theo quy định của Bộ luật Lao động) của các chức danh áp dụng khoán kinh phí sử dụng xe ô tô.

Mức khoán kinh phí sử dụng xe ô tô được xác định căn cứ số km bình quân đi công tác hàng tháng theo yêu cầu công việc của các chức danh tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước và đơn giá khoán như sau:

$$\text{Mức khoán (đồng/tháng)} = \text{Số km đi công tác bình quân hàng tháng (km)} \times \text{Đơn giá khoán (đồng/km)}$$

Trong đó: Số km đi công tác bình quân hàng tháng:

- Trường hợp áp dụng đối với tất cả các chức danh: Được xác định trên cơ sở tổng số km đi công tác thực tế của 12 tháng trong năm trước khi áp dụng khoán kinh phí sử dụng xe ô tô của tất cả các chức danh áp dụng khoán chia (:) Tổng số chức danh áp dụng khoán chia (:) 12 tháng.

- Trường hợp áp dụng đối với từng chức danh: Được xác định trên cơ sở tổng số km đi công tác thực tế của 12 tháng trong năm trước khi áp dụng khoán kinh phí sử dụng xe ô tô của từng chức danh chia (:) 12 tháng.

3. Đơn giá khoán

- 12.000 đồng/km.

Điều 3. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước trong việc thực hiện khoán kinh phí xe ô tô phục vụ công tác chung khi đi công tác

1. Quyết định việc áp dụng hình thức khoán kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung khi đi công tác cho các chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô của đơn vị mình.

2. Xác định tổng số km thực tế của từng lần đi công tác của từng chức danh nhận khoán quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 2 Quyết định này.

3. Xác định số km đi công tác bình quân hàng tháng của chức danh áp dụng khoán quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 2 Quyết định này.

4. Bổ sung hình thức khoán kinh phí sử dụng xe ô tô vào Quy chế chi tiêu nội bộ và thực hiện thông báo công khai trong cơ quan, đơn vị.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19 tháng 4 năm 2021.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này. Khi đơn giá bình quân/km của các hãng taxi, các doanh nghiệp kinh doanh vận tải phổ biến trên thị trường tại địa phương tăng, giảm từ 20% trở lên so với đơn giá khoán thì báo cáo UBND tỉnh điều chỉnh đơn giá khoán cho phù hợp.

2. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước tổ chức thực hiện việc khoán kinh phí sử dụng xe ô tô theo đơn giá quy định tại Quyết định này.

3. Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Vĩnh Long; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- TT. TU, TT. HĐND tỉnh;
- TT. UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, 6.14.05.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH